

NGHỊ QUYẾT

**CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH (KHÓA XIV)
về chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

Chuyển đổi số là xu thế và yêu cầu tất yếu trong bối cảnh hiện nay, tác động ngày càng mạnh mẽ đến tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội; mở ra nhiều cơ hội, tạo điều kiện để các địa phương nắm bắt, bứt phá vươn lên. Thời gian qua, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ đã ban hành các chủ trương, chính sách, chương trình thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng xác định: “Thực hiện chuyển đổi số quốc gia một cách toàn diện để phát triển kinh tế số, xây dựng xã hội số. Phấn đấu đến năm 2030, hoàn thành xây dựng Chính phủ số”. Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị (khóa XII) về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020 – 2025, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XIV) ban hành Nghị quyết về chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 với những nội dung như sau:

I. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Đẩy mạnh chuyển đổi số theo 3 trụ cột: Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, chủ thể, mục tiêu, động lực của chuyển đổi số; ứng dụng nền tảng số hướng đến nâng cao chất lượng sống của nhân dân và sự phát triển của doanh nghiệp.

2. Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sự đồng thuận của nhân dân trong quá trình thực hiện chuyển đổi số.

3. Quá trình chuyển đổi số của tỉnh phải toàn diện, đồng bộ với quá trình chuyển đổi số quốc gia; xác định rõ các công việc cần ưu tiên thực hiện trong từng giai đoạn, phù hợp với đặc điểm, điều kiện của tỉnh, gắn liền với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an toàn, an ninh mạng và giữ vững quốc phòng - an ninh.

4. Tranh thủ tối đa các nguồn lực xã hội để thực hiện chuyển đổi số.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện, trọng tâm là phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; đổi mới căn bản, toàn diện về phương pháp, cách thức hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của hệ thống chính trị, quản trị nhà nước, doanh nghiệp và phương thức sống, làm việc của người dân thông qua chuyển đổi số. Phát triển kinh tế số góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh cao hơn. Phấn đấu đến năm 2030, tỉnh Bình Thuận nằm trong nhóm 20 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về chuyển đổi số.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đến năm 2025

a) Phát triển chính quyền số

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.
- 90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).
- Tỷ lệ dữ liệu số trong từng ngành, lĩnh vực đạt 70%.
- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh được thực hiện qua hệ thống thông tin báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh và kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.
- 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

b) Phát triển kinh tế số

- Kinh tế số chiếm 20% GRDP của tỉnh.
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%.
- Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 7%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sử dụng nền tảng chuyển đổi số đạt 75%.

c) Phát triển xã hội số

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ tới 80% hộ gia đình, trường học, bệnh viện.
- Tỷ lệ phổ cập dịch vụ mạng băng rộng di động 4G/5G đạt 100%.
- Tỷ lệ dân số từ 18 tuổi trở lên có tài khoản thanh toán điện tử đạt 50%.
- Tỷ lệ dân số có danh tính số đạt 100%.

- Tỷ lệ người dân từ 14 tuổi trở lên có khả năng sử dụng các kỹ năng số cơ bản đạt 70%.

2.2. Đến năm 2030:

a) Phát triển chính quyền số

- 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- Tỷ lệ dữ liệu số trong từng ngành, lĩnh vực đạt 90%.

- 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- 100% cơ quan Đảng, Nhà nước cấp tỉnh có nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động.

b) Phát triển kinh tế số

- Kinh tế số chiếm 30% GRDP của tỉnh.

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%.

- Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 8%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sử dụng nền tảng chuyển đổi số đạt 90%.

c) Phát triển xã hội số

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ tới 100% hộ gia đình, trường học, bệnh viện.

- Tỷ lệ phổ cập dịch vụ mạng băng rộng di động 4G/5G đạt 100%.

- Tỷ lệ dân số từ 18 tuổi trở lên có tài khoản thanh toán điện tử trên 80%.

- Tỷ lệ người dân từ 14 tuổi trở lên có khả năng sử dụng các kỹ năng số cơ bản đạt 90%.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền; đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

- Cấp ủy, chính quyền các cấp tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương, nghị quyết của Trung ương về chuyển đổi số⁽¹⁾; phát huy vai trò của người đứng đầu trong việc thực hiện chuyển đổi số.

⁽¹⁾ (i) Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Quyết định số 27-QĐ/TW, ngày 01/8/2021 của Ban Bí thư về việc ban hành Chương trình ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan đảng giai đoạn 2021-2025. (ii) Quyết định 749/QĐ-TTg, ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt, học tập nhằm nâng cao nhận thức và đổi mới tư duy của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, cộng đồng doanh nghiệp và người dân về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số. Tăng cường phổ cập kiến thức cho người dân về chuyển đổi số, tạo thói quen sử dụng dịch vụ số; nâng cao năng lực quản lý, phục vụ và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước trong quá trình thực hiện chuyển đổi số. Các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị, các tổ chức chính trị - xã hội chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện chuyển đổi số với quyết tâm cao để nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành.

- Phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, người dân, doanh nghiệp tích cực hưởng ứng, tham gia các nội dung có liên quan trong quá trình thực hiện chuyển đổi số của tỉnh.

- Xây dựng chuyên mục tuyên truyền, phổ biến về chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh. Phổ biến, nhân rộng các điển hình tập thể, cá nhân thực hiện tốt việc chuyển đổi số, tạo hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ trong xã hội.

2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách gắn với phát triển nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số

- Các cấp ủy, chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức cụ thể hóa, triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị, chương trình chuyển đổi số quốc gia và các cơ chế, chính sách của Trung ương về chuyển đổi số.

- Xây dựng, điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của tỉnh để tạo môi trường, điều kiện thuận lợi, thúc đẩy các doanh nghiệp tích cực tham gia chuyển đổi, ứng dụng công nghệ số; từng bước phát triển các doanh nghiệp công nghệ số. Xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách thu hút các doanh nghiệp công nghệ số đầu tư, khởi nghiệp tại tỉnh Bình Thuận, góp phần tạo điều kiện thu hút nguồn nhân lực làm việc trong lĩnh vực công nghệ số.

- Sử dụng hợp lý, có hiệu quả nguồn nhân lực về chuyển đổi số đang có. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin để trở thành chuyên gia nòng cốt tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp về chuyển đổi số. Chủ động liên kết với các cơ sở đào tạo, trung tâm nghiên cứu trong và ngoài nước tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; khuyến khích các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh tham gia đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ, đáp ứng yêu cầu thực hiện chuyển đổi số.

3. Huy động nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng số đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số

- Tranh thủ tối đa và phát huy hiệu quả nguồn vốn Trung ương và các nguồn vốn hợp pháp khác thông qua các chương trình, đề án thực hiện chuyển đổi số. Hàng năm, ưu tiên bố trí nguồn vốn ngân sách tỉnh phù hợp để thực hiện chuyển đổi số. Tăng cường huy động các nguồn lực xã hội, các doanh nghiệp, nhà đầu tư để thực hiện có hiệu quả chuyển đổi số.

- Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi, thu hút các doanh nghiệp công nghệ số có tiềm lực đầu tư phát triển hạ tầng số, nền tảng số theo hình thức xã hội hóa và hợp tác công - tư.

- Đầu tư trang thiết bị phục vụ giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính trực tuyến và kết nối trực tuyến liên thông giữa các cơ quan Nhà nước, cơ quan Đảng, đoàn thể của tỉnh với các cơ quan Trung ương và với cấp huyện, xã.

4. Đẩy mạnh phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và các lĩnh vực ưu tiên thực hiện chuyển đổi số

4.1. Phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp trong tỉnh

- Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, hướng đến chính quyền số, tập trung phát triển hạ tầng số phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước bảo đảm thông suốt; tạo lập dữ liệu mở, thúc đẩy phát triển các dịch vụ số trong nền kinh tế, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên thiết bị di động thông minh cho người dân và doanh nghiệp thực hiện nhanh chóng, chính xác, không giấy tờ, giảm chi phí; cải thiện, nâng cao các chỉ số xếp hạng cấp tỉnh như: DTI, PCI, PAPI, PAR Index, SIPAS...

- Phát triển hạ tầng số dùng chung của tỉnh và trong từng cơ quan, đơn vị, địa phương bảo đảm yêu cầu kết nối liên thông và an toàn, an ninh mạng; xây dựng cơ sở dữ liệu trọng tâm trong từng ngành, lĩnh vực; hình thành kho dữ liệu tập trung của tỉnh trên cơ sở sử dụng, tích hợp các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, ưu tiên triển khai trước các cơ sở dữ liệu về dân cư, đất đai, y tế.

- Ưu tiên đầu tư phát triển, hoàn thiện hệ thống văn phòng điện tử, hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp, hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, cổng dịch vụ công và bộ phận một cửa, đảm bảo thông tin kết nối, tích hợp thông suốt với hệ thống của Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương và địa phương; kết nối liên thông dữ liệu giữa cơ quan đảng với nền tảng tích hợp, chia sẻ quốc gia, trực liên thông văn bản quốc gia và các trực liên thông khác, tạo sự đổi mới toàn diện về phương thức chỉ đạo, điều hành trong hệ thống các cơ quan Đảng, Nhà nước, cung cấp tiện ích cho người dân và doanh nghiệp sử dụng và tương tác với chính quyền các cấp.

- Triển khai một số dịch vụ nền tảng đô thị thông minh. Xây dựng trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh; triển khai mô hình thí điểm đô thị thông minh gắn với xây dựng chính quyền điện tử tại thành phố Phan Thiết và thị xã La Gi, từng bước thực hiện chính quyền số đối với cấp xã, trước hết tại các phường thuộc thành phố Phan Thiết và thị xã La Gi.

- Thực hiện chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ, xử lý hồ sơ trên môi trường mạng; tích hợp chữ ký số; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử, tạo thuận lợi triển khai chuyển đổi số, phát triển chính quyền số.

4.2. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Thúc đẩy phát triển kinh tế số với trọng tâm là phát triển doanh nghiệp công nghệ số, thương mại điện tử, công nghiệp công nghệ thông minh, sản xuất thông minh, ... Phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế số nhằm hỗ trợ phát triển thương mại điện tử; khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số để nâng cao năng lực cạnh tranh, năng suất và hiệu quả sản xuất - kinh doanh.

- Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ số, chuyển đổi số. Thu hút các doanh nghiệp công nghệ thông tin, công nghệ số có uy tín đến đầu tư, làm việc tại tỉnh.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án của Trung ương, tạo môi trường thuận lợi để thúc đẩy, hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ngành nghề truyền thống, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh tiếp cận và tích cực thực hiện chuyển đổi số.

4.3. Phát triển xã hội số, nâng cao đời sống của người dân

- Thúc đẩy chuyển đổi số trong xã hội, xây dựng các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho người lao động trong các doanh nghiệp, khu công nghiệp; phát triển kỹ năng số cho người dân thông qua việc tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng các dịch vụ số, trọng tâm là dịch vụ công trực tuyến và các loại hình dịch vụ số trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, thương mại,..., từng bước hình thành công dân số, văn hóa số.

- Xây dựng nền tảng số đáp ứng yêu cầu của xã hội, phục vụ hoạt động của hệ thống chính trị, phát triển kinh tế, quảng bá văn hóa, lịch sử, hình ảnh con người Bình Thuận; xây dựng và triển khai thực hành Bộ quy tắc ứng xử trên môi trường số.

- Triển khai các giải pháp thu thập thông tin mạng xã hội và ứng dụng trí tuệ nhân tạo để phân tích, cảnh báo sớm các xu hướng thông tin tiêu cực, chủ động có các giải pháp định hướng, xử lý phù hợp, giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ số.

4.4. Các lĩnh vực cần ưu tiên chuyển đổi số

(i) Chuyển đổi số trong sản xuất công nghiệp

Xây dựng cơ sở dữ liệu về các khu, cụm công nghiệp, về tiềm năng phát triển công nghiệp, nhất là công nghiệp năng lượng, công nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông minh,... Đẩy mạnh sử dụng các nền tảng số trong quản trị sản xuất, kinh doanh và tăng cường ứng dụng công nghệ số trong quản lý, vận hành và sản xuất thông minh trong các doanh nghiệp, nhà máy, khu sản xuất công nghiệp.

Khuyến khích các doanh nghiệp xây dựng nhà máy thông minh, vận hành thông minh, tạo ra các sản phẩm chất lượng, có giá trị gia tăng cao, xây dựng dịch vụ về dữ liệu.

(ii) Chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp

Tập trung xây dựng các hệ thống dữ liệu cơ bản về trồng trọt, chăn nuôi, khai thác, nuôi trồng và đánh bắt thủy sản. Ứng dụng công nghệ số tự động hóa các quy trình sản xuất, kinh doanh, dự báo, cảnh báo thị trường (giá cả, thời vụ, ...); đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử trong nông nghiệp; quản lý, giám sát nguồn gốc, chuỗi cung ứng sản phẩm, bảo đảm nhanh chóng, minh bạch, chính xác, an toàn vệ sinh thực phẩm.

Phát triển nền tảng số, chuyển đổi số mạnh mẽ trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh. Triển khai thực hiện các giải pháp cung cấp thông tin về môi trường, thời tiết, cảnh báo thiên tai, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi thông qua các nền tảng số để hỗ trợ người nông dân.

(iii) Chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch: Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành du lịch; phát triển đồng bộ hệ sinh thái du lịch thông minh nhằm quảng bá, thu hút đầu tư phát triển du lịch Bình Thuận, tạo môi trường để các doanh nghiệp du lịch, du khách trong và ngoài nước có thể chia sẻ, liên kết cung cấp và tiếp cận các dịch vụ ngày càng đa dạng, bảo đảm chất lượng.

(iv) Chuyển đổi số trong lĩnh vực thương mại

Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức hoạt động thương mại điện tử; xây dựng thị trường thương mại điện tử lành mạnh và phát triển bền vững; gắn kết giữa doanh nghiệp thương mại điện tử với các cơ sở sản xuất, nhà phân phối để quản lý chuỗi cung ứng; khuyến khích doanh nghiệp, doanh nhân khởi nghiệp bằng các mô hình kinh doanh thương mại điện tử; đưa thương mại điện tử trở thành một trong những lĩnh vực tiên phong của nền kinh tế số, xã hội số nhằm tăng hiệu quả kinh doanh, mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

(v) Chuyển đổi số trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường:

Xây dựng hoàn thiện và đồng bộ hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành để nâng cao hiệu quả quản lý lĩnh vực tài nguyên và môi trường; chú trọng cơ sở dữ liệu về đất đai, tài nguyên rừng, khoáng sản, nguồn nước, biển và hải đảo, biến đổi khí hậu, khí tượng - thủy văn. Triển khai các giải pháp thông minh trong quan trắc, viễn thám, giám sát, quản lý, xử lý sự cố môi trường, cảnh báo sớm thiên tai. Chú

trọng lập bản đồ số hóa toàn ngành tài nguyên và môi trường, làm nền tảng phát triển các dịch vụ số, chuyển đổi số, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

(vi) Chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng

Phối hợp triển khai sử dụng nền tảng số trong các ngành: Thuế, hải quan, kho bạc, ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng... theo hướng tự động hóa quy trình nghiệp vụ, thúc đẩy phát triển hệ sinh thái dịch vụ tài chính - ngân hàng dựa vào sự đổi mới, sáng tạo của công nghệ số.

(vii) Chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế

Phát triển hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành y tế. Triển khai sử dụng có hiệu quả hồ sơ sức khỏe điện tử. Xây dựng và phát triển nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa ở các cơ sở khám, chữa bệnh, thực hiện kết nối tuyến dưới với tuyến trên. Tăng cường sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử, thanh toán viện phí trong toàn dân thông qua môi trường mạng; xây dựng nền tảng quản trị y tế thông minh toàn diện (*khám, chữa bệnh và phòng, chống dịch bệnh*) dựa trên công nghệ số.

(viii) Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

Phát triển hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo tương thích với cơ sở dữ liệu quốc gia; phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học trực tuyến, ứng dụng tối đa công nghệ số trong quản lý, giảng dạy, học tập, kiểm tra, đánh giá và tuyển dụng; số hóa tài liệu, giáo trình, phát triển giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến; tận dụng nền tảng số để gia tăng khả năng tiếp cận giáo dục cho người học, nhất là người dân ở miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và người khuyết tật.

(ix) Chuyển đổi số trong lĩnh vực hành chính công

Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện Chương trình cải cách thủ tục hành chính của các cấp chính quyền, cơ quan, đơn vị; nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm hành chính công tỉnh và các bộ phận một cửa tại Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ công trực tuyến (*trừ phạm vi bí mật nhà nước*) mức độ 4 và giải quyết các hồ sơ công việc đạt mục tiêu đề ra.

5. Tăng cường quản lý, bảo đảm an toàn, an ninh mạng trong quá trình chuyển đổi số

- Tiếp tục quan tâm đầu tư đồng bộ trang thiết bị và giải pháp kỹ thuật để giám sát, cảnh báo sớm nguy cơ, ngăn chặn và xử lý kịp thời các sự cố về an toàn, an ninh mạng trong quá trình chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

- Ban hành các quy định, quy chế bảo đảm an toàn, an ninh mạng phù hợp cho từng đối tượng tham gia đầu tư, quản lý, khai thác và sử dụng các hạ tầng số,

nền tảng số, các hệ thống cơ sở dữ liệu trong các lĩnh vực; hình thành mạng lưới xử lý sự cố máy tính trong phạm vi toàn tỉnh gắn với cơ chế phối hợp xử lý kịp thời, có hiệu quả sự cố mất an toàn, an ninh mạng.

- Tăng cường đào tạo, xây dựng đội ngũ chuyên gia trong lĩnh vực an toàn, an ninh mạng, kịp thời theo dõi, phòng ngừa, ngăn chặn và phối hợp xử lý, khắc phục các sự cố, mất an toàn, an ninh mạng.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đảng đoàn, ban cán sự đảng, các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết này; trên cơ sở đó, xây dựng, ban hành kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế để triển khai thực hiện.

2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, các cơ quan thông tin, truyền thông căn cứ chức năng, nhiệm vụ đã được quy định, xây dựng kế hoạch tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tham gia thực hiện Nghị quyết này và phát huy vai trò giám sát, phản biện theo quy định.

3. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành các chính sách do Ủy ban nhân dân tỉnh trình về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh, giám sát việc thực hiện các chính sách, quy định của pháp luật về chuyển đổi số.

4. Giao Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện Nghị quyết này; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện, định kỳ hàng năm báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy để theo dõi, chỉ đạo.

Nghị quyết này được triển khai đến chi bộ, đảng viên và phổ biến rộng rãi đến nhân dân toàn tỉnh./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng,
- Ban Kinh tế Trung ương Đảng,
- Ban Cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông,
- Văn phòng Trung ương Đảng + Vụ địa phương II,
- Văn phòng Chính phủ,
- Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh,
- Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh,
- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Các sở, ban, ngành,
- Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**

Dương Văn An